

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 7 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Việt.

Bà Lê Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đồng Thị T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đồng Thị T trình bày:

Chị Đồng Thị T và anh Phạm Ngọc T qua quá trình tìm hiểu đã đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh

Đắc Lắc vào ngày 15 tháng 12 năm 2017. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng mẹ chồng tại Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắc Lắc. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong khoảng thời gian 03 năm đầu. Từ giữa năm 2020, do hoàn cảnh kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, công việc làm ăn không thuận buồm xuôi gió, tính tình vợ chồng không hòa hợp nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Anh T không chịu khó chăm lo làm ăn mà thường xuyên có thói quen bài bạc. Tình cảm và khoảng cách vợ chồng ngày một lớn, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa mẹ chồng, nàng dâu không được tốt phần nào đã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Hai bên không thể hiểu, thông cảm cho nhau và chính thức sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 10/2021 đến nay. Chị T sinh sống và làm việc tại thành phố B, tỉnh Đắc Lắc còn anh T thường xuyên đi làm ăn xa, không rõ địa chỉ cụ thể. thỉnh thoảng có ghé về nhà thăm mẹ nhưng không thăm vợ, con. Hai bên trước đây có liên lạc qua điện thoại nhưng anh T không còn quan tâm đến vợ con, không muốn vun vén cho hạnh phúc gia đình. Hiện nay chị T thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Quá trình sống chung chị T, anh T có 01 con là Phạm Nhã U, sinh ngày 14/5/2018. Hiện tại cháu đang ở với mẹ, cháu lại là con gái nên sau khi ly hôn chị T muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đều không chấp hành theo các thông báo của Tòa. Do anh T vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định được anh T có đăng ký thường trú và sinh sống cùng mẹ đẻ tại Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắc Lắc. Khoảng gần một năm nay, anh T thường xuyên đi làm ăn xa, gia đình, người thân không ai biết anh T đi đâu, làm gì. Qua nói chuyện, mẹ của anh T có báo cho anh biết về việc chị T kiện ly hôn nhưng anh T không có phản ứng gì.

Theo kết quả xác minh tại ban tự quản thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắc Lắc nơi chị Đồng Thị T và anh Phạm Ngọc T từng sống chung thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là có thật theo như nội dung mà chị T trình bày. Về tình trạng hôn nhân, quá trình sống chung hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, xung đột, nguyên nhân do mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Từ tháng 10/2021 đến nay, anh chị đã không còn sống chung cùng nhau nữa, anh T thường xuyên đi làm ăn xa còn chị T đưa con về huyện B,

tỉnh Đắk Lắk sống chung cùng bố mẹ đẻ, sau đó chuyển về tạm trú và làm việc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Lắk thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp ly hôn và giải quyết việc nuôi con*” giữa nguyên đơn chị Đồng Thị T với bị đơn anh Phạm Ngọc T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, chuẩn bị xét xử. Tại phiên Tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không hợp tác và vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị T và anh Phạm Ngọc T được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nhã U, sinh ngày 14/5/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đồng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Chị Đồng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Ngọc T, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị T và anh Phạm Ngọc T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa hai anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân do tính tình hai bên không hòa hợp, đồng thuận, mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế, tiền bạc, trong mối quan hệ vợ chồng, mẹ chồng – nàng dâu. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, hai bên bỏ mặc không còn quan tâm, yêu thương nhau. Mặt khác, việc anh T bất hợp tác trong giải quyết việc hôn nhân tại Tòa án thể hiện anh không còn mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình với chị T. Như vậy, giữa chị T và anh T đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Đồng Thị T về việc ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

[3] Về con chung: Chị Đồng Thị T và anh Phạm Ngọc T có 01 con chung là Phạm Nhã U, sinh ngày 14/5/2018. Do cháu đang sống chung cùng mẹ nên chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Đồng Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; các Điều 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị T được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nhã U, sinh ngày 14/5/2018 cho chị Đồng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Phạm Ngọc T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đồng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0001634 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Tâm